

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST
Ngày 04-4-2022
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng
2. Ông Trần Đình Khoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Nữ Lệ Chi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 307/2021/TLST-HNGĐ ngày 17/11/2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/3/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28/3/2022, giữa các đương sự:

1- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1975 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1973 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Về quá trình hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Văn D chung sống với nhau từ năm 1993 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được hai bên gia đình đồng ý; đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã B (nay là thành phố B), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, số 24 quyển 07/97 ngày 12-12-1997.

Vợ chồng chung sống không mấy hạnh phúc từ những năm đầu, có với nhau hai con chung, hiện nay các con của ông bà đã trưởng thành trên 18 tuổi, có một cháu đã có gia đình và ở riêng.

Khoảng thời gian sau này giữa hai bên thường xảy ra nhiều bất đồng trong quan điểm sống, không hợp nhau về tính cách. Ông D là người gia trưởng, nhiều lần chửi bới xúc phạm, thậm chí có lần đánh bà T. Vì đã chung sống với nhau trong một thời gian dài nên bà T mong muốn và cố gắng hàn gắn. Tuy nhiên, tình trạng ngày càng trầm trọng nên bà T đã chuyển ra ngoài buôn bán và ở riêng, cả hai sống ly thân nhau. Nay xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông D.

Về con chung: Ông bà có hai con chung tên là Nguyễn Thị Thúy N, sinh ngày 26/7/1997 và Nguyễn Thị Phụng T, sinh ngày 27/01/1995. Hiện các con đã trưởng thành, trên 18 tuổi, bà không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày:

Ông Nguyễn Văn D xác nhận lời trình bày của bà T về quá trình hôn nhân là đúng, cụ thể ông và bà T chung sống với nhau từ năm 1993 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được hai bên gia đình đồng ý; đăng ký kết hôn tại thị xã B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào năm 1997.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau hai con chung. Thời gian gần đây, vợ chồng có lời qua tiếng lại, xích mích với nhau chứ không có gì là mâu thuẫn trầm trọng. Ông cũng không đánh đập bà T như bà trình bày. Thời gian gần đây bà T dọn ra buôn bán và ở riêng, ông cũng không yêu cầu bà quay về nhà của vợ chồng chung sống lại.

Nay bà T khởi kiện xin ly hôn thì ông không đồng ý, vì hiện nay ông còn thương vợ thương con. Ông D xác định mình có lỗi trong cuộc sống hàng ngày, nhưng nếu bà T bỏ qua thì ông hứa sẽ sửa đổi để vợ chồng về chung sống.

Quá trình hòa giải ông D mong muốn Tòa án cho cả hai một thời gian ngắn để vợ chồng về nói chuyện hòa giải với nhau; nếu sau nay bà T không đồng ý quay về thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung như bà T trình bày, hiện các con đã trưởng thành, trên 18 tuổi. Ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông D cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, giải quyết vụ án trong hạn luật định theo Điều 28, 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thu thập chứng cứ đầy đủ, trình tự tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu ly hôn; Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn”. Các đương sự cư trú tại thành phố B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung:

Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Nguyễn Văn D tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa các bên là hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc trong khoảng thời gian đầu, sau đó thì xảy ra mâu thuẫn xung đột.

Theo lời khai của nguyên đơn xác nhận ông D có tính độc đoán, gia trưởng, trong thời gian chung sống có thái độ không tôn trọng nhau, không vun vén xây dựng tình cảm giữa hai bên nên dần rạn nứt không hàn gắn được; lời khai nhận của ông D cũng thừa nhận bản thân mình có lỗi trong việc vợ chồng mâu thuẫn. Từ đó xác định mâu thuẫn vợ chồng là có thật được các đương sự thừa nhận trong thời gian chung sống.

Ông D xác nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, lỗi có phần ở cả hai bên nhưng ông không đồng ý ly hôn, mong muốn đoàn tụ, xét ý kiến của bị đơn thì thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án ông D mong muốn vợ chồng quay về với nhau nhưng không có động thái hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Khi Tòa án mời để hòa giải hoặc cho thời gian để hai bên hàn gắn thì ông không thực hiện. Mặt khác, tại Tòa bà T vẫn giữ yêu cầu được ly hôn do bà xác định hiện nay cả hai không thể hòa hợp được do không còn tình cảm với nhau. Do vậy, xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông D là trầm trọng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Bà T và ông D có hai con chung tên Nguyễn Thị Thúy N, sinh ngày 26/7/1997 và Nguyễn Thị Phụng T, sinh ngày 27/01/1995. Hiện các con đã trưởng thành, trên 18 tuổi, các bên không có yêu cầu gì nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung, hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim T nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004112 ngày 16/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà T đã nộp xong án phí.

3. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. (Người vắng mặt thì thời hạn tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai)./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- UBND xã Long Phước, Tp B, BRVT;
(Số A2, Quyền A7/97);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Hoàng Anh

